TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/8/2019
V/v: "Không công nhận là vợ chồng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thạch Thị Lan Nhung.

2. Ông Hà Thanh Tuấn.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Phương – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp không công nhận là vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Đăng Y, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Số xxx, Tổ dân phố H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng;

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn ông Võ Đăng Y trình bày: Ông Võ Đăng Y và bà Phan Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997 được gia đình hai bên chấp nhận nhưng ông bà không tổ chức lễ cưới và

không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống ông bà không được hòa thuận hạnh phúc do ông bà không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, nên ông bà đã tự ra sống riêng từ năm 2012 và mỗi người có một cuộc sống riêng không còn quan tâm gì đến nhau. Vì vậy, ông Võ Đăng Y yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận ông và bà T là vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà T có 03 con chung là Võ Đăng Thanh T, sinh ngày 18/8/1998; Võ Thanh C, sinh ngày 29/8/2000 và Võ Đại L, sinh ngày 14/3/2009. Hiện nay cháu Võ Đăng Thanh T và Võ Thanh C đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường có thể tự lo cho cuộc sống của con nên ông Y không yêu cầu giải quyết. Đối với con chung là Võ Đại L có nguyện vọng được ở với bà T thì ông cũng đồng ý, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Ông xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông Y không còn yêu cầu gì khác.

2. Tại bản tự khai của bà Phan Thị T trình bày: Bà và ông Võ Đăng Y chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 được gia đình hai bên chấp nhận nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông bà chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nên hai bên tự chia tay nhau và dọn ra sống riêng mỗi người một cuộc sống. Nay bà cũng yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Y là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 03 con chung là Võ Đăng Thanh T, sinh ngày 18/8/1998; Võ Thanh C, sinh ngày 29/8/2000 và Võ Đại L, sinh ngày 14/3/2009. Hiện nay cháu Võ Đăng Thanh T và Võ Thanh C đã trưởng thành, có thể tự lo cho cuộc sống của con nên bà T không yêu cầu giải quyết. Còn con chung là Võ Đại L hiện nay còn nhỏ nên bà yêu cầu được nuôi con, bà yêu cầu ông Y phải cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 1.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà T xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra bà T không còn yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện không công nhận là vợ chồng của ông Võ Đăng Y. Về con chung giải quyết theo nguyện vọng của con. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Đăng Y và bà Phan Thị T xây dựng gia đình với nhau năm 1997, trên cơ sở tự nguyện được gia đình hai bên thừa nhận nhưng không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống do ông bà bất đồng quan điểm, không thông cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống và do không tìm được biện pháp cải thiện nên càng lâu ngày mâu thuẫn càng trầm trọng. Từ năm 2012 ông bà đã tự sống ly thân cho đến nay. Tại phiên tòa, ông Y xác định không còn tình cảm với bà T do mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài nên ông Y yêu cầu Tòa án giải quyết dứt điểm quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T, còn bà T xác định không thể cải thiện quan hệ tình cảm nên bà T cũng đồng ý giải quyết theo yêu cầu của ông Y. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông Y và bà T được xác lập sau ngày 03/01/1987 nhưng đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn nên cần căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận ông Võ Đăng Y và bà Phan Thị T là vợ chồng là phù hợp.

[2] Về con chung: Ông Võ Đăng Y và bà Phan Thị T có 03 con chung là Võ Đăng Thanh T, sinh ngày 18/8/1998; Võ Thanh C, sinh ngày 29/8/2000 và Võ Đại L, sinh ngày 14/3/2009. Ông Y và bà T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với con là Võ Đăng Thanh T và Võ Thanh C, còn con chung là Võ Đại L thì ông bà yêu cầu giải quyết giao cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu T và cháu C đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giao cho bố hoặc mẹ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục mà đây là trách nhiệm chung của ông Y và bà T đối với các con.

Đối với cháu L hiện nay đã trên 07 tuổi lại có nguyện vọng được sống với bà T khi bố mẹ không chung sống với nhau. Hơn nữa, lâu nay cháu L vẫn sống cùng bà T và các bên cũng thống nhất giao cháu L cho bà T nuôi dưỡng. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần tiếp tục giao con là Võ Đại L cho bà T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, ông Y đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng và bà T đồng ý nên cần ghi nhận. Thời gian cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa các đương sự thống nhất ông Y cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 01/9/2019 trở đi cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành nên cần ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Võ Đăng Y và bà Phan Thị T cùng xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết về vấn đề tài sản trong vụ án này. Trường hợp sau này các đương sự không thỏa thuận được với nhau và có phát sinh tranh chấp nếu có yêu cầu khởi kiện thì sẽ được xem xét bằng vụ kiện dân sự khác theo thủ tục chung.

[4] Về nợ chung: Ông Võ Đăng Y và bà Phan Thị T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc ông Võ Đăng Y phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc khởi kiện không công nhận là vợ chồng và 300.000đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28; Điều 147, Điều 203 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Võ Đăng Y. Tuyên bố không công nhận ông Võ Đăng Y và bà Phan Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là Võ Đại L, sinh ngày 14/3/2009 cho bà Phan Thị T có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Ông Võ Đăng Y có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 1.000.000đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 01/9/2019 trở đi cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (khi án đã có hiệu lực pháp luật) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Ông Võ Đăng Y phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc không công nhận là vợ chồng và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Võ Đăng Y đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001098 ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, ông Y phải nộp tiếp số tiền 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/8/2019) các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Thúy